TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHƠN TRẠCH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 274/2024/HSST
Ngày: 21/11/2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH TỈNH ĐỒNG NAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thanh Phương và ông Thái Minh Trí.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch tham gia phiên tòa: Ông Trần Huỳnh Đức Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 270/2024/TLST-HS ngày 11 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 288/2024/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 10 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số: 1727/HSST-QĐ ngày 07 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo:

Võ Văn H, sinh năm 1993, tại thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi đăng ký HKTT: Số A B, xã B, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.

Giới tính: NamQuốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh.

Tôn giáo: KhôngTrình độ học vấn: 10/12 Nghề nghiệp: Đánh bắt hải sản.

Con ông Võ Văn M (đã chết) và bà Dương Thị T, sinh năm 1948.

Bị cáo có vợ là Trần Thị Cẩm G, sinh năm 1993 và có 01 con sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 31/8/2023, bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C, thành phố Hồ Chí Minh khởi tố về tội "Cố ý gây thương tích" quy định tại khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự. Ngày 30/5/2024, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H ra Quyết định thay đổi quyết định khởi tố bị can đối với Võ Văn H từ tội "Cố ý gây thương tích" sang tội "Giết người" quy định tại khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự. Hiện vụ án này đang trong giai đoạn điều tra.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29 tháng 02 năm 2024 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an huyện N.

- Bị hại:

Lương Tấn D (đã chết).

Đại diện theo pháp luật của bị hại D: Bà Nguyễn Thị Thu T1, sinh năm 1981 và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1942; địa chỉ: ấp B, xã B, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Nguyễn Thị Thu T1, sinh năm 1981; địa chỉ: ấp B, xã B, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Trần Thị Cẩm G, sinh năm 1993; địa chỉ: ấp B, xã B, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.

(Bị cáo, bị hại chị T1 và chị G có mặt; đại diện hợp pháp của bị hại D bà Đ vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 22 tháng 10 năm 2022, Võ Văn H điều khiển xuồng máy không có số hiệu, lắp máy ISUZU, không có giấy chứng nhận đăng ký phương tiện, chưa được học và cấp giấy chứng nhận học tập pháp luật giao thông đường thủy nội địa chở anh Lương Tấn D, chị Trần Thị Cẩm G và chị Nguyễn Thị Thu T1 lưu thông theo hướng từ thượng nguồn tuyến đường sông Rạch M1 đi đến sông Đ. Tất cả những người ngồi trên phương tiện do H điều khiển đều không mặc áo phao. Khi xuồng máy do H điều khiển lưu thông đến khu vực giao nhau giữa sông R và sông Đ, cách vị trí phao đỏ số 12 tại Km 3 + 800 khoảng 100m, đoạn sông có khoảng cách 02 bờ là 188m thuộc ngã ba Voi Bà V, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai, Hết điều khiển xuồng máy lưu thông không đúng luồng chạy tàu thuyền, đi về phía trái của luồng tàu chạy, cách bờ trái 60m và không giảm tốc độ nên đã xảy ra va chạm với xuồng máy không có số hiệu lắp máy YAMAN do Nguyễn Văn H1, sinh năm 1989; trú tại: xã P, huyện N chưa được học và cấp giấy chứng nhận học tập pháp luật giao thông đường thủy nội địa, điều khiển lưu thông đúng luồng theo hướng từ thượng nguồn sông Đ đi sông R.

Hậu quả vụ tai nạn làm ông D tử vong, chị G và chị T1 bị thương

Vật chứng, tài sản thu giữ: 01 xuồng máy không có số hiệu, trên xuồng máy có lắp máy Yaman và 01 xuồng máy không có số hiệu, trên xuồng máy có lắp máy Isuzu.

Xử lý vật chứng: Đối với 01 xuồng máy không có số hiệu, trên xuồng máy có lắp máy Yaman và 01 xuồng máy không có số hiệu, trên xuồng máy có lắp máy I là những tài sản hợp pháp của chị Nguyễn Thị Thu T1, chị Trần Thị Cẩm G, nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện N đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho các chủ sở hữu.

Sau khi sự việc xảy ra Võ Văn H đã bồi thường cho gia đình người bị hại D số tiền 5.000.000 đồng. Đại diện hợp pháp của người bị hại D đã nhận tiền và không yêu cầu gì khác về dân sự.

Chị Nguyễn Thị Thu T1 bị tổn thương cơ thể do thương tích gây ra tại thời điểm giám định là: tỷ lệ 41%. Chị T1 yêu cầu Võ Văn H phải bồi thường số tiền 100.000.000 đồng.

Chị Trần Thị Cẩm G bị xây xát nhẹ nên từ chối giám định và không yêu cầu bồi thường dân sự.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N tiến hành khám nghiệm hiện trường và xác định được các dấu vết sau:

Hiện trường vụ tai nạn giao thông nằm tại đầu tuyến sông R tiếp giáp với sông Đ tại xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Khoảng cách giữa hai bờ sông R là 188m. Thời điểm xảy ra tai nạn thì con nước đang xuống chậm, chững lại (thuỷ triều xuống).

Vị trí xảy ra tai nạn cách mép bờ bên trái (số B) là 60m và cách mép bờ bên phải (số D) là 128m, theo hướng di chuyển từ thượng nguồn tuyến sông R đến hạ nguồn (tiếp giáp sông Đ); cách vị trí phao đỏ là 100m theo hướng đi đến thượng nguồn tuyến Rạch M.

Hướng di chuyển và vị trí của từng người ngồi trên xuồng máy Võ Văn H: Thời điểm xảy ra tai nạn thì trên xuồng máy do Võ Văn H điều khiển ngồi ở sau lái (phía sau cục máy), chở theo anh Lương Tấn D ngồi ở mũi xuồng máy mặt hướng vào trong lái; tiếp đến là chị Nguyễn Thị Thu T1 ngồi trên nắp hầm mặt hướng vào trong lái; tiếp đến là chị Trần Thị Cẩm G ngồi trong khoang xuồng máy, mặt hướng sang mạn trái xuồng máy; tất cả đều không mặc áo phao. Hết điều khiển xuồng máy di chuyển theo mép bờ bên phải trên sông R hướng từ thượng nguồn sông Rạch Mới (làng B) đến hạ nguồn sông R (tiếp giáp sông Đ). Khi đến vị trí xảy ra tại nạn, Hết điều khiển xuồng máy đi gần mép bờ bên trái (số B) cách bờ trái là 60m để rẽ trái di chuyển đến thượng lưu sông Đ thì xảy ra tai nạn.

Hướng di chuyển và vị trí của từng người ngồi trên xuồng máy Nguyễn Văn H1: Thời điểm xảy ra tai nạn thì anh H1 mặc áo phao và điều khiển xuồng máy đi một mình di chuyển theo mép bờ bên phải trên sông Đ hướng từ thượng nguồn sông Đ đến hạ nguồn sông Đ (tiếp giáp sông Rạch Mới); đi bên phải phao đỏ số 12. Khi đến vị trí xảy ra tại nạn, anh H1 điều khiển xuồng máy đi gần mép bờ bên phải (số B) cách bờ phải là 60m để rẽ phải di chuyển đến thượng lưu sông R thì xảy ra tai nạn.

Tại biên bản khám phương tiện liên quan đến tai nạn giao thông là 01 phương tiện võ nhựa composite, gắn máy Yaman liên quan đến tai nạn giao thông ngày 23/10/2022 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N:

Dấu vết 1: Vết rách, thủng nhựa composite dưới mũi phải của phương tiện có kích thước dài 15cm, rộng 15cm, sâu 03cm cách cạnh mũi phải 16cm.

Dấu vết 2: Vết trầy xước, tróc sơn nhựa composite hướng từ trên xuống dưới dài 70cm dưới lườn đáy, cách giữa mũi phương tiện 01m.

Dấu vết 3: Vết rách, thủng nhựa composite mạn trái phương tiện có chiều dài 30cm, rộng 10cm, sâu 10cm, cách lườn đáy 20cm, cách cạnh mũi trái 2.6m. tróc sơn nhựa composite hướng từ trên xuống dưới dài 70cm dưới lườn đáy, cách giữa mũi phương tiện 01m.

Tại biên bản khám phương tiện liên quan đến tai nạn giao thông là 01 phương tiện võ nhựa composite, gắn máy Isuzu liên quan đến tai nạn giao thông ngày 23/10/2022 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N:

Dấu vết 1: Vết bể, rách đầu mũi bên phải dài 20cm, rộng 17cm..

Dấu vết 2: Mặt trên bên phải phương tiện có vết rách nhựa composite, bong tróc chân ốc vít hướng từ trước ra sau có kích thước dài 18cm, rộng 10cm, cách mũi phương tiện 90cm.

Dấu vết 3: Vết bể, thủng nhựa composite dài 07cm, rộng 05cm, cách vết (2) 8cm.

Dấu vết 4: Vết trầy xước nhựa composite dài 97cm, rộng 05cm, hướng từ trước ra sau, cách vết (3) 35cm.

Dấu vết 5: Vết trầy xước nhựa composite dài 91cm, rộng 05cm, cách cạnh đuôi lái bên trái 2.1m.

Dấu vết 6: Lật chân máy, gãy cổ bô nghiêng sang trái về sau. Mặt trước máy có dính nhựa composite màu trắng.

Dấu vết 7: Trong khoang sau lái có bùn, nhớt.

Tại bản kết luận giám định pháp y về tử thi số: 2241/KL-KLGĐ ngày 06/11/2022 của Phòng K Công an tỉnh Đ xác định nguyên nhân tử vong của ông Lương Tấn D như sau:

Dấu hiệu chính: Bên ngoài không tìm thấy dấu vết tổn thương do ngoại lực tác động. Giải phẫu thấy hai phổi xuất huyết, cắt qua nhu mô có dịch máu, các tạng khác sung huyết, xuất huyết. Kết quả vi thể: Phù phổi cấp do ngạt nước. Nguyên nhân tử vong: Ngạt nước.

Tại bản kết luận giám định pháp y số 0126/TgT/2023 ngày 13/3/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh Đ kết luận về thương tích của chị Nguyễn Thị Thu T1 như sau:

Sẹo cung mày đuôi mắt phải kích thước 06x0,2cm, tỷ lệ 06%

Tổn thương nứt sọ phần chũm xương thái dương phải kích thước 1,2cm, tỷ lệ 08%.

Tổn thương gãy thành xoang hàm phải không di lệch, tỷ lệ 07%.

Tổn thương gãy thành xoang hàm trái không di lệch, tỷ lệ 07%.

Tổn thương gãy xương chính mũi không ảnh hưởng chức năng thở, tỷ lệ 07%.

Tổn thương gãy thành ngoài hốc mắt phải không ảnh hưởng thị lực, tỷ lệ 05%.

Tổn thương gãy cung tiếp phải không ảnh hưởng chức năng, tỷ lệ 08%.

Tổn thương gãy mảnh chân xương bướm trái, tỷ lệ 01%.

Tổn thương gãy mảnh chân xương bướm phải, tỷ lệ 01%.

Tổn thương gãy xoang sàng phải, tỷ lệ 01%.

Không định tỷ lệ cho xây xát da vùng mặt và gối phải hiện tại không để lại dấu vết, không dể lại di chứng và không ảnh hương chức năng.

Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra tại thời điểm giám định là: 41%.

Vật gây thương tích: Vật tày.

Tại bản kết luận giám định pháp y số 0125/TgT/2023 ngày 20/02/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh Đ kết luận về thương tích của chị Trần Thị Cẩm G như sau:

Sẹo trán đỉnh kích thước 04x0,4cm, tỷ lệ 02%

Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra tại thời điểm giám định là: 02%.

Vật gây thương tích: Vật tày.

Tại kết luân giám định dấu vết va chạm số 6350/KL-KTHS ngày 30/11/2022 của Phân viện KHHS tại TP Hồ Chí Minh kết luận:

Xuồng máy không số hiệu, trên xuồng có lắp máy YAMAN có va chạm với xuồng máy không số hiệu, trên xuồng có lắp máy ISUZU.

Cơ chế, hình thành dấu vết va chạm giữa các phương tiện: Dấu vết trượt xước, rách, gãy, biến dạng các chi tiết bên dưới phía trước và phía trước bên trái xuồng máy không số hiệu, trên xuồng xuồng có lắp máy YANMAN (mũi xuồng và thân xuồng máy) có chiều từ trước về sau phù hợp dấu vết trượt xước, rách, gãy biên dạng các chi tiết phía trước bên phải xuồng máy không số hiệu, trên xuồng có lắp máy ISUZU (mũi xuồng và khung cố định định máy chèo) có chiều từ phải sang trái.

Khi xảy ra va chạm, xuồng máy không số hiệu, trên xuồng máy có lắp máy YAMAN của Nguyễn Văn H1 chuyển động trên sông Đ hướng từ thượng nguồn đi Rạch M; xuồng máy không số hiệu trên xuồng có lắp máy ISUZU của Võ Văn H chuyển động trên sông Đ hướng từ Rạch M đi thượng nguồn xã P.

Tại kết luận giám định ngày 22/02/2024 của Cục Đ1 về công suất động cơ xác định:

Giám định công suất của 01 máy YAMAN: có 01 động cơ, trên thân máy có nhãn mác YANMAR, số chế tạo 00700, năm chế tạo không xác định, công suất không xác định, không có cơ sở để xác định công suất máy.

Giám định công suất của 01 máy ISUZU: có 01 động cơ, trên thân máy bên trái có ký hiệu GW2 8TDI -2/*1204293768*, năm chế tạo không xác định, công suất không xác định, không có cơ sở để xác định công suất máy.

Tại cáo trạng số 188/CT-VKS-TB ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch đã truy tố Võ Văn H về tội "Tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy" theo quy định tại khoản 2 Điều 272 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng. Đề nghị xử phạt bị cáo Võ Văn H từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Tòa án tuyên buộc bị cáo phải bồi thiệt hại cho chị Nguyễn Thị Thu T1 theo quy định của pháp luật.

- Bị hại, đồng thời là đai diện hợp pháp của bị hại D chị Nguyễn Thị Thu T1 trình bày: Thống nhất với bản cáo trạng và quan điểm luận tội của Đại diện Viện kiểm sát truy tố bị cáo Võ Văn H về tội "Tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy". Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo ở mức thấp nhất. Về trách nhiệm dân sự, chị T1 yêu cầu bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho chị T1 số tiền chi phí điều trị thương tích sau khi xảy ra sự việc là 40.000.000 đồng.

- Bị hại chị Trần Thị Cẩm G trình bày: Thống nhất với bản cáo trạng và quan điểm luận tội của Đại diện Viện kiểm sát truy tố bị cáo Võ Văn H về tội "Tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy". Xin Hội đồng xét xử bị cáo với một mức án nhẹ nhất. Về trách nhiệm dân sự, chị G bị xây xát nhẹ không yêu cầu bị cáo bồi thường.

- Bị cáo Võ Văn H không tranh luận với bản luận tội của Kiểm sát viên và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung tại Cáo trạng đã nêu, bị cáo đồng ý bồi thường thiệt hại về chi phí điều trị thương tích cho bị hại Nguyễn Thị Thu T1 với số tiền là 40.000.000 đồng và nói lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh trụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, cơ quan truy tố; Hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[1.2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Đại diện hợp pháp của bị hại D bà Đ được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt có lý do, tuy nhiên đã có lời khai trong quá trình điều tra, không ảnh hưởng đến việc xét xử nên căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt bà Đ.

[2] Về trách nhiệm hình sự:

Tại cơ quan điều tra cũng như qua thẩm tra xét hỏi tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với sơ đồ hiện trường vụ tai nạn, biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn, biên bản khám nghiệm

phương tiện liên quan đến vụ tai nạn và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và đúng như hành vi phạm tội mà Viện kiểm sát truy tố bị cáo ra trước tòa, cho thấy bị cáo đã có hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 22 tháng 10 năm 2022, Võ Văn H điều khiển xuồng máy không có số hiệu lắp máy ISUZU, không có giấy chứng nhận đăng ký phương tiện và chưa được cấp giấy chứng nhận học tập pháp luật giao thông đường thủy nội địa theo quy định chở anh Lương Tấn D, chị Trần Thị Cẩm G và chị Nguyễn Thị Thu T1 lưu thông theo hướng từ thượng nguồn tuyến đường sông Rạch M1 đi đến sông Đ. Khi đi đến ngã ba V V thuộc xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai, Hết điều khiển xuồng máy không giảm tốc độ, lưu thông không đúng luồng chạy tàu thuyền nên va chạm với phía trước xuồng máy không có số hiệu lắp máy YAMAN do Nguyễn Văn H1 điều khiển lưu thông đúng luồng theo hướng từ thượng nguồn sông Đ đi sông R, gây tai nạn làm ông D tử vong, chị G và chị T1 bị thương.

Như vậy, đã có đủ căn cứ để kết luận: Hành vi nêu trên của Võ Văn H đã vi phạm vào vi phạm khoản 2 Điều 35; khoản 1, khoản 2 Điều 36; khoản 2 Điều 37; khoản 2 Điều 39 Luật giao thông đường thuỷ. Theo khoản 2 Điều 35 quy định "Người lái phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần dưới 5 tấn hoặc có sức chở đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 5 mã lực hoặc có sức chở dưới 5 người phải đủ 15 tuổi trở lên, đủ sức khoẻ, biết bơi, phải học tập pháp luật về giao thông đường thuỷ nội địa và được cấp giấy chứng nhận…"; khoản 1, khoản 2 Điều 36 quy định "Thuyền trưởng, người lái phương tiện khi điều khiển phương tiện hoạt động trên đường thuỷ nội địa phải tuân theo quy tắc giao thông và báo hiệu đường thuỷ nội địa quy định tại Luật này. Thuyền trưởng, người lái phương tiện khi hành trình phải điều khiển phương tiện với tốc độ an toàn để có thể xử lý các tình huống tránh va, không gây mất an toàn đối với phương tiện khác hoặc tổn hại đến các công trình"; khoản 2 Điều 37 quy định "Khi hành trình trong điều kiện có sương mù, mưa to hoặc vì lý do khác mà tầm nhìn bị hạn chế, thuyền trưởng, người lái phương tiện phải giảm tốc độ của phương tiện đồng thời phát âm hiệu theo quy định tại khoản 1 Điều 48 của Luật này và phải có người cảnh giới ở những vị trí cần thiết trên phương tiện. Trường hợp không nhìn rõ đường thì phải neo đậu phương tiện, bố trí người cảnh giới và phát âm hiệu theo quy định tại khoản 2 Điều 48 của Luật này. Khi phương tiện đi vào nơi luồng giao nhau, luồng cong gấp, thuyền trưởng, người lái phương tiện phải giảm tốc độ của phương tiện, phát tín hiệu nhiều lần theo quy định tại Điều 46 của Luật này và đi sát về phía luồng đã báo cho đến khi phương tiện qua khỏi nơi luồng giao nhau, luồng cong gấp" và khoản 2 Điều 39 quy định "Khi tránh nhau, phương tiện được nhường đường phải chủ động phát tín hiệu điều động theo quy định tại Điều 46 của Luật này và đi về phía luồng đã báo, phương tiện kia phải tránh và nhường đường", gây hậu quả nghiêm trọng. Hành vi đó đã phạm vào tội "Tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy" theo điểm a khoản 2 Điều 272 Bộ luật hình sự.

[3] Xét về tính chất mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi bị cáo gây ra là nghiêm trọng, xâm phạm đến sức khoẻ, tính mạng của người khác, đồng thời trong tình hình tai nạn giao thông trên địa bàn hiện nay diễn biến phức tạp, số lượng người tham gia giao thông vi phạm tăng cao, làm mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó, cần có mức án tương xứng với hành vi phạm tội bị cáo gây ra.

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thực hiện tội phạm là tội rất nghiêm trọng nhưng do vô ý, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên toà, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục một phần hậu quả cho gia đình người bị hại là những các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 để xem xét khi quyết định hình phạt cho bị cáo.

[4] Về biện pháp tư pháp:

Đại diện gia đình người bị hại D: Chị Nguyễn Thị Thu T1 và bà Nguyễn Thị Đ đã nhận bồi thường, không yêu cầu gì khác và chị Trần Thị Cẩm G bị xây xát nhẹ từ chối giám định, không yêu cầu bồi thường về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại phiên tòa, bị hại Nguyễn Thị Thu T1 yêu cầu bị cáo H bồi thường thiệt hại về chi phi điều trị thương tich với số tiền là 40.000.000 đồng. Bị cáo H đồng ý bồi thường theo yêu cầu của chị T1. Do đó cần buộc bị cáo H phải bồi thường cho bị hại chị T1 số tiền 40.000.000 đồng

[5] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[6] Bị hại chị Nguyễn Thị Thu T1 và chị Trần Thị Cẩm G không tranh luận với bản luận tội của Kiểm sát viên.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận. Tuy nhiên về mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị cho bị cáo chưa phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, chưa thể hiện thể hiện tính nhân đạo, chính sách khoan hồng của nhà nước và pháp luật nên Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 2 Điều 272 Bộ luật hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố: Bị cáo Võ Văn H phạm tội "Tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy".

Xử phạt bị cáo Võ Văn H 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29 tháng 02 năm 2024.

2. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Điều 584, 585, 586, 590 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Võ Văn H phải bồi thường cho bị hại chị Nguyễn Thị Thu T1 số tiền 40.000.000 đồng.

Kể từ ngày bị hại chị Nguyễn Thị Thu T1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Võ Văn H chậm thi hành án đối với khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Võ Văn H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đại diện hợp pháp của bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Bị cáo; bị hại; Đại diện hợp pháp của bị hại;
- VKSND tỉnh; VKSND huyện Nhơn Trạch;
- Chi cục THADS huyện Nhơn Trạch;
- Công an huyện Nhơn Trạch;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tiến Trung

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán**
Chủ tọa phiên tòa